TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thuần.
Ông Hoàng Xuân Mẫn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 353/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy H** - sinh năm 1979, "có mặt"
HKTT: Ấp Thanh Thọ 3, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh **Nhâm K-** sinh năm 1970, "có mặt"
HKTT: Tổ 3, KP. Hiệp Thương, TT. Định Quán, H.Định Quán, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Chị và anh Nhâm K sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau đã tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 6 năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do lúc đó hoàn cảnh kinh tế khó khăn chỉ lo bươn chải làm ăn mà không nghĩ đến việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng không

còn tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã bất hòa và anh chị đã chính thức sống ly thân cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống riêng tư không còn ràng buộc gì nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn phai nhạt không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung trong đó có 02 con chung là Nhâm Thanh T- sinh ngày 01/01/1995, Nhâm Thanh T- sinh ngày 23/6/1997 đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000, chị H đồng ý giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên và chị đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án. Đối với lãi suất chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị không thỏa thuận với anh K mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh K không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Kiều không có nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 6/1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị H chung sống với nhau đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không còn hợp nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Dù giữa anh và chị H không cãi nhau, đánh đập nhưng chị H đã tự bỏ đi từ đó đến nay mà không liên lạc gì. Chị H cũng không về thăm con. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị H..

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung trong đó có 02 con chung là Nhâm Thanh T- sinh ngày 01/01/1995, Nhâm Thanh T- sinh ngày 23/6/1997 đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000, anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiền sau khi ly hôn và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên và anh đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án. Đối với lãi suất chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh không thỏa thuận với chị H mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn bị đơn đã thực hiện đầy đủ các nguyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh K chung sống với nhau và năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị H và anh K đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân gần 4 năm qua. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 thì quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh K không được pháp luật công nhận. Về con chung chưa thành niên và việc cấp dưỡng nuôi con căn cứ Điều 15, 16, 81, 82, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh K, giao cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000 sau khi ly hôn. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh K chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H và bị đơn anh Nhâm K đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung như vợ chồng anh K chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân nhiều năm qua. Nay chị H không còn tình cảm với anh K nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Anh K cũng đồng ý ly hôn với chị H. Nhưng qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị H và anh K chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị H và tuyên bố không công nhận chị H và anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có 03 con chung trong đó có 02 con chung là Nhâm Thanh T- sinh ngày 01/01/1995, Nhâm Thanh T- sinh ngày 23/6/1997 đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000, chị H đồng ý giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị tự nguyện cấp

dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên. Anh K đồng ý với ý kiến của chị H và nguyện vọng của cháu T cũng muốn được ở với bố.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị H và anh K là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy giao con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh K chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con: Anh K và chị H thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên chị H phải chịu 150.000 đồng án phí DSST .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68; Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nhâm K.

2)- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nhâm K có 03 con chung trong đó có 02 con chung là Nhâm Thanh T- sinh ngày 01/01/1995, Nhâm Thanh T- sinh ngày 23/6/1997 đã thành niên, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Còn lại 01 con chung chưa thành niên là Nhâm Thanh T- sinh ngày 26/7/2000 giao cho cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T thành niên.

Chị Hồng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh K chị H có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3)- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4)- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5)- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng chị H phải chịu 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 05/10/2017 theo biên lai số 004396 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị H còn phải nộp tiếp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho tất cả có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Định Quán;
-Chi cục THADS H. Định Quán;
-UBND xã Phú Lâm, H. Tân Phú.
-UBND TT. Định Quán, H. Định Quán;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA